

Bản án số: 17/2022/HS-PT  
Ngày 12-5-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Mạnh Cường.

*Các Thẩm phán:* ông Hoàng Đức Trường, ông Lâm Anh Luyện.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** ông Trần Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 15/2022/TLPT-HS ngày 25/02/2022 do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đối với bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang.

**- Bị cáo bị kháng nghị:** **Vũ Đức T**, sinh ngày 21/4/1998, tại huyện V, tỉnh Yên Bái; nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn K, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức B, sinh năm 1970 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1976; vợ, con: chưa có; tiền sự: không.

**\* Tiền án:** bị cáo có 02 tiền án.

Bản án số 05/2017/HSST ngày 27/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái (**bản án có áp dụng tái phạm**), xử phạt Vũ Đức T 01 năm tù giam về tội **Trộm cắp tài sản** vào ngày 16/11/2016. Tổng hợp hình phạt với bản án số 115/2016/HSST ngày 23/5/2016 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 01 năm 06 tháng tù giam (chưa được xóa).

Bản án số 172/2017/HSST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội (**bản án không áp dụng tái phạm**) xử phạt Vũ Đức T 18 tháng tù về tội **Trộm cắp tài sản** vào ngày 11/12/2016. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 05/2017/HSST ngày 27/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 36 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/12/2019 (chưa được xóa).

**\* Nhân thân:**

Bản án số 115/2016/HSST ngày 23/5/2016 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội xử phạt Vũ Đức T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội **Trộm cắp tài sản** (*bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng khi chưa đủ 18 tuổi*).

Bản án phúc thẩm số 183/2021/HS-PT ngày **24/3/2021** của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (bản án áp dụng tái phạm nguy hiểm) xử phạt Vũ Đức T 27 tháng tù về tội **Trộm cắp tài sản** (*bản án phúc thẩm có hiệu lực sau khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội*).

Bản án số 283/2021/HS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội xử phạt Vũ Đức T 15 tháng tù về tội **Trộm cắp tài sản**. Tổng hợp hình phạt của Bản án số 183/2021/HS-PT ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt Vũ Đức T 27 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 42 tháng tù (*hành vi phạm tội sau nhưng xử trước*), thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2021. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 Công an thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Tòa án không triệu tập.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/01/2021, Vũ Đức T một mình đi xe ô tô khách từ Hà Nội đến gặp người quen là Hà Thu T1, sinh năm 2004, trú tại thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang. Sau đó, T đến chơi điện tử tại quán của Hoàng Văn T2 ở thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Tại đây, T có làm quen với Nguyễn Tiến T3, cùng T3 chơi điện tử, ăn uống và nghỉ qua đêm tại quán. Đến khoảng 16 giờ ngày 10/01/2021, sau khi ra ngoài quán để ăn uống, T và T3 đi bộ về quán điện tử thì gặp Tô Xuân H1 đang ngồi ở đối diện Cây xăng, thuộc thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Do H1 quen biết với T3 nên H1 cho T3 và T mượn xe mô tô biển kiểm soát 23E1-171.98, loại xe Wave, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng đen bạc, sản xuất năm 2019, xe cũ đã qua sử dụng (*xe mô tô của H1 nhưng đứng tên đăng ký xe là Tô Huy H2, sinh năm 1989, trú tại thôn S, xã T*). T điều khiển xe mô tô của H1 đưa T3 đến quán điện tử thì T3 đi vào quán còn T tiếp tục điều khiển xe mô tô đi đến nhà Hà Thu T1, ngồi chơi khoảng 20 phút thì ra về.

Lúc này, T không còn tiền để tiêu sài nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của H1. T điều khiển xe mô tô của H1 đi mua một chiếc mũ bảo hiểm, rồi điều khiển xe đi về thành phố Hà Nội. Ngày 11/01/2021, T đưa xe mô tô của H1 cho Lê Việt A và nhờ Lê Việt A cầm cố tài sản và được Lê Việt A đưa cho số tiền 1.700.000 đồng. Số tiền này Vũ Đức T đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại Kết luận số 13 ngày 18/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, kết luận: 01 xe mô tô loại xe Wave, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng đen bạc, sản xuất năm 2019, xe cũ đã qua sử dụng, có giá trị là 18.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 175, đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51, đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố: bị cáo Vũ Đức T phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

2. Hình phạt: xử phạt bị cáo Vũ Đức T 02 năm tù. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 283/2021/HS-ST, ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội là 03 năm 06 tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phân trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/02/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã ban hành quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSHG, kháng nghị về phần hình phạt tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang với nội dung:

Tính đến ngày bị cáo Vũ Đức T thực hiện hành vi phạm tội có 02 bản án (*bản án số 05/2017/HSST của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái và bản án số 172/2017/HSST của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội*) chưa được xóa án tích. 02 bản án này phải được xem xét để xác định tái phạm nguy hiểm đối với bị cáo T.

Các bản án tuyên về hành vi độc lập và trong các lần phạm tội này của bị cáo đều không được xem xét là dấu hiệu cấu thành tội phạm, đến khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngày 10/01/2021 các bản án đã có hiệu lực pháp luật. Theo hướng dẫn tại điểm b tiết 7.3 mục 7 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì "*Trường hợp các tiền án của bị cáo không được xem xét là dấu hiệu cấu thành tội phạm (đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm) vì hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì các tiền án của bị cáo phải tính để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm*". Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự được coi là tái phạm nguy hiểm "*Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý*". Nên hành vi phạm tội của Vũ Đức T thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và bị cáo phải bị xét xử theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang kháng nghị theo hướng đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm đối với bị cáo T về tội

Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự và tăng mức hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang giữ nguyên kháng nghị đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự sửa bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang.

Về tội danh: tuyên bố bị cáo Vũ Đức T phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Về hình phạt: áp dụng điểm g khoản 2 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Vũ Đức T từ 30 đến 36 tháng tù. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 283/2021/HS-ST, ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội là 03 năm 06 tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2021.

Tại phiên tòa bị cáo Vũ Đức T không nhất trí đối với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của kháng nghị: Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSHG ngày 06/02/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành trong hạn luật định là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều 336, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự nên cần được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Vũ Đức T xác nhận vào ngày 10/01/2021, tại thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang sau khi được Tô Xuân H1 cho mượn xe mô tô biển kiểm soát 23E1-171.98, loại xe Wave, nhãn hiệu Honda, màu sơn trắng đen bạc, sản xuất năm 2019, do không có tiền tiêu sai nên bị cáo T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của H1. Sau đó T đã điều khiển xe mô tô của H1 về Hà Nội nhờ người đi cầm cố được 1.700.000 đồng, số tiền này T đã tiêu sai cá nhân hết. Trị giá tài sản là chiếc xe mô tô mà T chiếm đoạt của H1 được xác định là 18.000.000 đồng. Như vậy, đã đủ căn cứ để khẳng định hành vi chiếm đoạt tài sản của T đã đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản được quy định tại Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Đối với nội dung kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm đối với bị cáo T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm g (*Tái phạm nguy hiểm*) khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015:

[5] Từ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đủ căn cứ để khẳng định vào ngày 10/01/2021 tại thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang Vũ Đức T đã có hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của anh Tô Xuân H1 01 chiếc xe máy trị giá là 18.000.000 đồng. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có 02 tiền án như trong kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đã nêu là đúng, cụ thể:

[6] Bản án số 05/2017/HSST ngày 27/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái (bản án có áp dụng tái phạm), xử phạt Vũ Đức T 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt với bản án số 115/2016/HSST ngày 23/5/2016, hình phạt chung là 01 năm 06 tháng tù (chưa được xóa án tích).

[7] Bản án số 172/2017/HSST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội (bản án không áp dụng tái phạm) xử phạt Vũ Đức T 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 05/2017/HSST ngày 27/02/2017, hình phạt chung là 36 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 13/12/2019 (chưa được xóa án tích).

[8] Theo hướng dẫn tại điểm b tiết 7.3 mục 7 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì "*Trường hợp các tiền án của bị cáo không được xem xét là dấu hiệu cấu thành tội phạm (đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm) vì hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì các tiền án của bị cáo phải tính để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm*".

[9] Trong vụ án này hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của T vào ngày 10/01/2021 đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên 02 tiền án của bị cáo phải tính để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm.

[10] Tuy nhiên, xem xét 02 bản án xác định là tiền án của bị cáo T như đã nêu tại đoạn [6], [7] thấy rằng:

[11] Đối với Bản án số 05/2017/HSST ngày 27/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái: căn cứ Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015, Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và theo hướng dẫn tại Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì lần phạm tội trước của bị cáo T đã được xét xử tại Bản án số 115/2016/HSST ngày 23/5/2016 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội, bị cáo T phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi (*17 tuổi 09 tháng 02 ngày*) và bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng. Tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi,

bổ sung năm 2017) có quy định "*Người dưới 18 tuổi bị kết án được coi là không có án tích, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: ...b) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý*". Như vậy, trong lần phạm này bị cáo T được coi là không có án tích.

[12] Do đó, để bảo đảm áp dụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền con người và bảo đảm việc áp dụng đúng các quy định có lợi cho người phạm tội cần phải xác định hành vi phạm tội của bị cáo T trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái xét xử tại Bản án số 05/2017/HSST ngày 27/02/2017 không thuộc trường hợp tái phạm.

[13] Đối với Bản án số 172/2017/HSST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội xử phạt Vũ Đức T 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 05/2017/HSST ngày 27/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 36 tháng tù. Bị cáo T chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/12/2019 (chưa được xóa án tích), bản án này của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội không xác định tái phạm.

[14] Như vậy, cả hai tiền án của bị cáo T trước đó đều về tội chiếm đoạt (Trộm cắp tài sản) và trong cả hai bản án nêu trên hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Đức T đều không thuộc trường hợp tái phạm. Tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định "*Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý...*". Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo T trong lần phạm tội tại vụ án này thuộc trường hợp tái phạm, chứ không thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự như đã nêu trong kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang.

[15] Từ các phân tích, nhận định tại các đoạn từ [5] đến [14], có đủ căn cứ để xác định: Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xét xử bị cáo Vũ Đức T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*có khung hình phạt là phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*) và áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm đối với bị cáo Vũ Đức T theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[16] Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về việc đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Vũ Đức T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[17] Đối với kháng nghị tăng hình phạt

[18] Bị cáo T có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị 18.000.000 đồng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành

khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ quy định ở đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[19] Mặc dù, bị cáo T có quá trình nhân thân xấu, trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2021 bị cáo có 06 lần thực hiện hành vi phạm tội (trong đó 05 lần có hành vi Trộm cắp tài sản, 01 lần Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản), điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật, không ăn năn hối cải của bị cáo; bị cáo T phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[20] Tuy nhiên, sau khi xem xét, đánh giá toàn diện khách quan đối với vụ án thông qua quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đánh giá về quá trình nhân thân của người phạm tội, về giá trị tài sản bị chiếm đoạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Vũ Đức T, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt 02 năm tù mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo Vũ Đức T là đã đủ nghiêm khắc, hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, có tác dụng giáo dục, răn đe người phạm tội và phòng ngừa chung. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang.

[21] Về án phí: căn cứ điểm d khoản 1 Điều 11, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì người kháng nghị, bị cáo bị kháng nghị không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[22] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HS-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang.

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Vũ Đức T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 175, đoạn 1 điểm s khoản 1 Điều 51, đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Vũ Đức T 02 (hai) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 283/2021/HS-ST, ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2021.

3. Về án phí: căn cứ điểm d khoản 1 Điều 11, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án người kháng nghị, bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC02, PC10, PV06 Công an tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện B;
- CQ CSĐT Công an huyện B;
- Tòa án nhân dân huyện B;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Mạnh Cường**